| | |
|---|---|
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI<br>**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**<br>**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1723/BC-CTSN-TCKT | *Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026* |

# BÁO CÁO
## GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Kính gửi:
- Sở Tài chính Hà Nội;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;
- Sở Nội vụ.

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-SNNMT ngày 29/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội năm 2026 trên địa bàn Khu vực 2 thành phố Hà Nội;

Căn cứ Hợp đồng đặt hàng số 04/HĐKT-BQLDT ngày 09/02/2026 giữa Ban quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ về việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội năm 2026 trên địa bàn Khu vực 2 thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-CTSN-TCKT ngày 05/3/2026 của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ.

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thuỷ lợi Sông Nhuệ kính báo cáo Liên Sở: Tài chính – Nông nghiệp & Môi trường, Nội vụ về việc đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty với nội dung như sau:

**I. Đặc điểm tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Khái quát chung**

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động công ích. Nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chính là tưới, tiêu, phòng chống lụt, bão phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, xã hội trên địa bàn 27 xã phường thuộc Thành phố Hà Nội và 7 xã phường thuộc tỉnh Ninh Bình; tư vấn, thiết kế xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi; xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Tổng số CBCNV của Công ty (đến ngày 30/6/2026) là 1.112 người; trong đó: 300 người có trình độ đại học và thạc sỹ, 803 người có trình độ cao đẳng, trung cấp và công nhân kỹ thuật, 9 người trình độ khác (gồm bảo vệ, lái xe, tạp vụ).

- Cán bộ quản lý doanh nghiệp gồm:

+ 01đồng chí Chủ tịch Công ty;

+ 01 đồng chí Tổng Giám đốc;

+ 03 đồng chí Phó Tổng Giám đốc;

+ 01 đồng chí Kế toán trưởng;

+ 01 đồng chí Kiểm soát viên.

Các đơn vị trực thuộc Công ty có 13 đơn vị gồm: 04 phòng chức năng (phòng Tổ chức hành chính, phòng Kế hoạch Kỹ thuật, phòng Tài chính Kế toán, phòng Quản lý nước và Công trình); 08 Xí nghiệp Thuỷ lợi: Ứng Hoà, Hồng Vân, Phú Xuyên, Liên Mạc, Hà Đông, Nhật Tựu, Thanh Trì, Từ Liêm; Xí nghiệp tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**2. Thuận lợi và khó khăn**

*** Thuận lợi**

- Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của Bộ Nông nghiệp và Môi

trường, UBND Thành phố; các Sở, Ngành thuộc Thành phố và sự chỉ đạo sát sao, hướng dẫn trực tiếp của Liên Sở Tài chính - Nông nghiệp & Môi trường; các địa phương trong lưu vực hệ thống thủy lợi Sông Nhuệ đối với công tác tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai.

- Tập thể lãnh đạo Công ty đoàn kết thống nhất; cán bộ, công nhân viên, người lao động yên tâm công tác gắn bó với cơ quan, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

*** Khó khăn**

Tình hình vi phạm và tái lấn chiếm vi phạm công trình theo Luật Thủy lợi ngày càng gia tăng cả về số lượng và mức độ vi phạm; thời tiết, khí hậu thủy văn diễn biến theo hướng cực đoan, mưa lũ cục bộ trong mùa mưa, hạn hán, thiếu hụt nguồn nước trong mùa khô đã gây bất lợi đối với công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh của Công ty.

**II. Nội dung Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2026**

**1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Khối lượng sản phẩm thực hiện trong kỳ là 81.682,13 ha đạt 39% so với kế hoạch năm (208.055 ha), bằng 99% so với cùng kỳ năm 2025 (82.525 ha).

- Tổng doanh thu thực hiện là 131.605,75 triệu đồng đạt 36% so với kế hoạch năm (365.314 triệu đồng), trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện trong kỳ là 131.445,13 triệu đồng, đạt 35,98% so với hế hoạch năm.

+ Doanh thu tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng) thực hiện trong kỳ là 160,62 triệu đồng, đạt 80% so với kế hoạch năm (200 triệu đồng).

- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế thực hiện trong kỳ là 17.747,03 triệu đồng, đạt 75% so với kế hoạch năm (23.745 triệu đồng).

- Tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố trong kỳ là 113.207,86 triệu đồng, gồm:

+ Tổng quỹ lương và các khoản trích theo lương: 73.427,05 triệu đồng.

+ Chi phí ăn ca: 3.885,08 triệu đồng.

+ Chi phí điện bơm nước tưới, tiêu: 16.374,40 triệu đồng.

+ Chi phí sửa chữa thường xuyên: 13.939,43 triệu đồng.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: 481,04 triệu đồng.

+ Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ: 1.390,18 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp, phục vụ sản xuất khác: 3.710,23 triệu đồng.

**2. Tình hình tài chính doanh nghiệp**

- Khả năng sinh lời:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)): đạt 0,95% (17.747,03 triệu đồng/1.875.904 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA): đạt 0,88% (17.747,03 triệu đồng / 2.014.937 triệu đồng).

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty (Tài sản ngắn hạn /Nợ ngắn hạn) là: 1,34 lần (153.454 triệu đồng/ 114.492 triệu đồng).

- Các chỉ tiêu cân đối nợ và chỉ tiêu hoạt động:

+ Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản: 0,06 lần (114.561 triệu đồng/ 1.999.288 triệu đồng).

+ Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu: 0,06 lần (114.561 triệu đồng/ 1.884.727 triệu đồng).

+ Hệ số bảo toàn vốn (vốn chủ sở hữu cuối kỳ/vốn CSH đầu kỳ): 1,01 lần (1.867.081triệu đồng/1.884.727 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên tổng doanh thu: 13,48% (17.747,03 triệu đồng/131.606 triệu đồng).

- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

* Về cơ cấu tài sản: Tại thời điểm 30/6/2026, tổng tài sản là 1.999.288 triệu đồng; trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn: 153.454 triệu đồng, chiếm 7,68% trong tổng tài sản; chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền: 143.823 triệu đồng.

+ Tài sản dài hạn 1.849.899 triệu đồng, chiếm 92,32% trong tổng tài sản, 100% là tài sản cố định.

* Về cơ cấu nguồn vốn: Tại thời điểm 30/6/2026, tổng nguồn vốn là 1.999.288 triệu đồng; trong đó:

+ Nợ phải trả: 114.561 triệu đồng, chiếm 5,73% tổng nguồn vốn; trong đó: phải trả người cung cấp dịch vụ 32.828 triệu đồng (chiếm 35,5%), phải trả người lao động 25.431 triệu đồng (chiếm 27,5%), phải trả khác 56.302 triệu đồng.

+ Vốn chủ sở hữu: 1.884.727 triệu đồng, chiếm 94,27% tổng nguồn vốn, bao gồm: vốn đầu tư của Chủ sở hữu là 1.865.278 triệu đồng (vốn góp của chủ sở hữu là 1.827.269 triệu đồng, vốn khác của chủ sở hữu là 38.009 triệu đồng), quỹ đầu tư phát triển là 1.431 triệu đồng, lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là 18.018 triệu đồng.

**3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản**

*a. Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư, gồm: Nguồn vốn huy động, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tiến độ giải ngân vốn đầu tư:* Không phát sinh.

*b. Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp*: Không phát sinh.

*c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu:* Không phát sinh.

*d. Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.*

- Quản lý tài sản: Công ty thực hiện quản lý tài sản theo quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư mua sắm, sửa chữa nâng cấp, trích khấu hao tài sản cố định.

+ Tài sản cố định tăng trong kỳ: Không.

+ Tài sản cố định giảm trong kỳ: Trong kỳ Công ty thực hiện thanh lý tài sản cố định là 1.819 triệu đồng, trong đó: trạm bơm Thụy Phương I là 604 triệu đồng (Văn bản số 3752/STC-ĐKDN ngày 19/3/2026 của Sở Tài chính), trạm bơm Cầu Ngà I là 710 triệu đồng, trạm bơm Cầu Ngà 3 là 505 triệu đồng (Quyết định số 5521/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp). Các công trình thanh lý phục vụ công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện thi công các dự án đầu tư khẩn cấp theo quyết định đầu tư của UBND thành phố Hà Nội.

+ Giá trị trích khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý doanh nghiệp trong kỳ là 481,04 triệu đồng.

- Quản lý nợ: Thực hiện Văn bản của Sở Tài chính số 08/CV-TCDN ngày 24/01/2014 của Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc triển khai thực hiện Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Ngày 12/4/2014 Công ty đã ban hành Quyết định số 506/QĐ- CTSN-TV kèm theo Quy chế quản lý nợ và triển khai thực hiện quản lý nợ theo Quy chế đã ban hành.

+ Nợ phải thu ngắn hạn đến ngày 30/6/2026 là 8.762 triệu đồng.

+ Nợ phải trả ngắn hạn đến ngày 30/6/2026 là 114.492 triệu đồng.

**4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách**

- Công ty luôn chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Thực hiện tốt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được ban hành tại Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND thành phố; thực hiện tốt Quy chế Quản lý tài chính của Công ty theo Quyết định số 7431/QĐ-STC ngày 23/6/2025 của Sở Tài chính Hà Nội.

- Công ty luôn chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác:

+ Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, thực hiện trích lập và nộp thuế theo quy định: Số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang là 459,69 triệu đồng (thuế GTGT là 301,7 triệu đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 21,63 triệu đồng, thuế thu nhập cá nhân là 165,96 triệu đồng, các khoản phải thu nhà nước là 29,6 triệu đồng); số thuế phát sinh trong kỳ là 657,93 triệu đồng (bao gồm thuế đất là 376,12 triệu đồng, thuế thu nhập cá nhân 161 triệu đồng, thuế GTGT là 120,81 triệu đồng); số thuế đã nộp trong kỳ là 971,58 triệu đồng; số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp kỳ sau là 146,04 triệu đồng.

+ Công ty thực hiện đóng đầy đủ, kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động và thanh toán 80% kinh phí tiền lương hàng tháng cho người lao động.

- Công ty đã lập hồ sơ quyết toán tiền quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý doanh nghiệp và người lao động báo cáo Sở Nội và đã được Sở Nội vụ thực hiện ủy quyền của UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản số 4836/SNV-LĐTLDN ngày 30/6/2026.

**5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích**

Công ty đã điều hành hệ thống phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh, đảm bảo các địa phương gieo trồng đúng kế hoạch, làm tốt công tác phòng, chống lụt, bão, úng trên địa bàn Công ty phụ trách. Khối lượng sản phẩm thực hiện trong kỳ là 81.682,13 ha đạt 39% so với kế hoạch năm 2026 (208.055ha)

- Công ty đã hoàn thành công tác kiểm tra công trình trước lũ và xây dựng phương án phòng chống thiên tai vụ Mùa năm 2026 phù hợp với hiện trạng công trình và nhiệm vụ của hệ thống sông Nhuệ.

- Kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của Công ty, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; thực hiện kiểm tra, rà soát vật tư phòng chống lụt bão.

- Tổ chức nạo vét, khơi thông dòng chảy các kênh tiêu; tu bổ các vị trí sụt sạt, xung yếu trên bờ kênh và mái kênh; sửa chữa máy móc thiết bị tại các trạm bơm tiêu; sửa chữa cánh cống, máy đóng mở các cánh cống. Đến nay, mọi công tác chuẩn bị đã hoàn thành, sẵn sàng chủ động ứng phó với các tình huống xấu xảy ra trong mùa mưa bão.

*(Các mẫu biểu đính kèm theo: 02.C, 02.D, 02.Đ, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 - do chưa có Thông tư hướng dẫn Nghị định số 365/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính Phủ nên Công ty sử dụng các biểu mẫu báo cáo theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính).*

Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Thuỷ lợi Sông Nhuệ kính báo cáo Sở Tài chính Hà Nội, Sở Nông nghiệp & Môi trường và Sở Nội vụ đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2026 với các nội dung như trên./.

***Nơi nhận:***
- Như đề gửi;
- Lãnh đạo Công ty;
- KSV Công ty;
- Lưu VT; TCKT.

**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

**Vũ Mạnh Hùng**

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**
**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆ**

**Biểu: 02.C**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

# TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

| Nội dung | Cùng kỳ năm 2024 | Cùng kỳ năm 2025 | Năm 2026 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Kế hoạch năm 2026 | Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 | Cùng kỳ năm 2024 | Cùng kỳ năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 |
| | [1] | [2] | [3] | [4] | [5] =[4]/[1] | [7] =[4]/[2] | [9] =[4]/[4] |
| **A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh** | | | | | | | |
| 1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha) | 42.501,29 | 82.525,00 | 208.055,00 | 81.682,13 | | 99% | 39% |
| 2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (ha) | 42.501,29 | 82.525,00 | 208.055,00 | 81.682,13 | | 99% | 39% |
| 3. Tồn kho cuối kỳ | 0 | 0 | | | | | |
| **B. Chỉ tiêu tài chính** | | | | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 36.502,07 | 203,00 | 365.314,00 | 131.445,13 | 360% | | 35,98% |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | | | | | |
| 3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 36.502,07 | 203,00 | 365.114,00 | 131.445,13 | | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 73.697,50 | 74.734,00 | 341.569,00 | 98.587,13 | | 132% | |
| 5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | -37.195,42 | -74.531,00 | 23.545,00 | 32.858,00 | | -44% | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 52,50 | 74,00 | 200,00 | 160,62 | 306% | 217% | 80% |
| 7. Chi phí tài chính | 0 | 0 | | | | | |
| 8. Chi phí bán hàng | | | | | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9.625,72 | 10.662,00 | | 14.620,73 | 152% | 137% | |

| Nội dung | Cùng kỳ năm 2024 | Cùng kỳ năm 2025 | Năm 2026 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Kế hoạch năm 2026 | Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 | Cùng kỳ năm 2024 | Cùng kỳ năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 |
| | [1] | [2] | [3] | [4] | [5] =[4]/[1] | [7] =[4]/[2] | [9] =[4]/[4] |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -46.768,64 | -85.119,00 | 23.745,00 | 18.397,89 | -39% | -22% | |
| 11. Thu nhập khác | 0 | 0 | | 2,15 | | | |
| 12. Chi phí khác | 0,05 | 284,00 | | 653,01 | | | |
| 13. Lợi nhuận khác | -0,05 | -284,00 | | -650,86 | | | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | -46.768,69 | -85.403,00 | 23.745,00 | 17.747,03 | -38% | -21% | 75% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | 10 | | | | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | | | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | -46.768,69 | -85.403,00 | 23.735,00 | 17.747,03 | -38% | -21% | 75% |

*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Phạm Thị Hồng Hải**

**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

**Vũ Mạnh Hùng**

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**
**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆ**

**Biểu số 02.D**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

# TÌNH HÌNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch cả năm | Thực hiện 6 tháng đầu năm | Tỷ lệ so với kế hoạch (%) | Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích (ha) | ha | 208.055,00 | 81.682,13 | 39% | |
| 2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu | ha | 0,00 | 0,00 | | - |
| 3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu | ha | 0,00 | 0,00 | | - |
| 4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích | triệu đồng | 364.919,26 | 113.120,88 | 31,00% | 132% |
| 5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích | triệu đồng | 364.943,00 | 131.445,13 | 36,02% | |

*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Phạm Thị Hồng Hải**

**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

**Vũ Mạnh Hùng**

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

**Biểu số 02.Đ**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

## A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

*ĐVT: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang | Số phát sinh phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau |
|---|---|---|---|---|
| **1. Thuế** | **459,69** | **657,93** | **971,58** | **146,04** |
| - Thuế GTGT | 301,70 | 120,81 | 311,63 | 110,88 |
| - Thuế TNDN | 21,63 | 0,00 | 21,63 | 0,00 |
| - Thuế TNCN | 165,96 | 161,00 | 295,51 | 31,45 |
| - Thuế Xuất, nhập khẩu | | | | 0,00 |
| - Thuế đất | -5,32 | 376,12 | 342,81 | 27,99 |
| - Các khoản thuế khác | -24,28 | | | -24,28 |
| **2. Các khoản phải nộp khác** | **0,00** | **3,60** | **3,60** | **0,00** |
| - Phí, lệ phí | 0,00 | 3,60 | 3,60 | 0,00 |
| - Các khoản phải nộp khác | | 0,00 | 0,00 | |
| **3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định** | | | | |
| **Cộng** | **459,69** | **661,53** | **975,18** | **146,04** |

## B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

*ĐVT: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Dư đầu năm | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Dư cuối kỳ |
|---|---|---|---|---|
| 1. Quỹ Đầu tư phát triển | 1.431,18 | | 0,00 | 1.431,18 |
| 2. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 29,17 | | 14,21 | 14,96 |
| *Trong đó: Quỹ thưởng VCQLDN* | *202,10* | | *175,00* | *27,10* |
| 3. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN | | | | |
| 4. Quỹ đặc thù khác (Quỹ khoa học công nghệ) | 69,44 | 0 | 0 | 69,44 |

*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Phạm Thị Hồng Hải**

**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

**Vũ Mạnh Hùng**